|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGHỊ ĐỊNH** **QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ**

**DỰ THẢO**

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ/ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN**

**1. Cơ sở xây dựng dự thảo Nghị định**

***1.1. Cơ sở pháp lý***

a)Ngày 14/6/2025, Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật Công nghiệp công nghệ số. Trong đó, khoản 4 Điều 13, khoản 1 Điều 19, khoản 3 Điều 20 giao Chính phủ quy định chi tiết về (1) Hoạt động công nghiệp công nghệ số, (2) Tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, (3) Thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số.

b) Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: “Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; “đề cao phương pháp “quản lý thảo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.”

**1.2. Cơ sở thực tiễn**

***1.2.1. Cập nhật hoàn thiện hành lang pháp lý về công nghiệp công nghệ số***

Luật Công nghiệp công nghệ số đã khẳng định *“Công nghiệp công nghệ số là ngành kinh tế - kỹ thuật dựa trên sự kết hợp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; là bước phát triển tiếp theo của công nghiệp công nghệ thông tin”*. Do vậy, để hoàn thiện hành lang pháp lý công nghiệp công nghệ số cần có những quy định để cập nhật, làm rõ các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trên cơ sở pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin.

***1.2.2. Giải quyết các vấn đề thực tiễn chưa có quy định pháp luật điều chỉnh***

Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã được quy định trong Luật Công nghiệp công nghệ số và thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tuy nhiên, chưa có quy định, hướng dẫn chi tiết để triển khai nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

***1.2.3. Giải quyết các khó khăn, vướng mắc***

Trong thời gian qua vấn đề thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao còn chưa hiệu quả và gặp nhiều khó khăn. Luật Công nghiệp công nghệ số đã quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số, tuy nhiên, để tổ chức thực thi hiệu quả các quy định của Luật, Chính phủ cần có các hướng dẫn chi tiết các biện pháp thi hành nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc về phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp công nghệ số, đặc biệt là vấn đề thu hút, trọng dụng và ưu đãi cho nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số.

**2. Mục đích, yêu cầu đánh giá**

**2.1. Mục đích đánh giá**

Đảm bảo việc xây dựng thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định được ban hành đúng thẩm quyền, không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, được quy định rõ ràng, cụ thể, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện, cơ chế liên thông, kiểm tra đánh giá, xác minh thực tế, cách thực thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết, phí, lệ phí và các chi phí khác, kết quả thực hiện.

**2.2. Yêu cầu đánh giá**

Đánh giá đầy đủ tác động của thủ tục hành hành chính dự kiến ban hành, việc đề nghị thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm, kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm, đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm thử nghiệm có kiểm soát có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Dự thảo Nghị định dự kiến ban hành mới 04 thủ tục hành chính. Không có thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; không có thủ tục hành chính được bãi bỏ; không có thủ tục hành chính được giữ nguyên so với quy định hiện hành. Các thủ tục hành chính dự kiến đã được đánh giá tác động chi tiết của thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, kết quả như sau:

**Nhóm TTHC quy định tại dự thảo Nghị định về đề nghị thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm, kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm, đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm thử nghiệm có kiểm soát có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.**

*a) Sự cần thiết*

Luật Công nghiệp Công nghệ số được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 14-6-2025 và có hiệu lực từ 1-1-2026 (một số điều từ 1-7-2025), là cột mốc lịch sử, đánh dấu bước tiến chiến lược, từng bước đưa Việt Nam trở thành trung tâm công nghệ số toàn cầu. Luật Công nghiệp công nghệ số không chỉ là một đạo luật chuyên ngành, mà còn được kỳ vọng là đòn bẩy thể chế cho quá trình chuyển đổi số quốc gia. Đây là đạo luật đầu tiên điều chỉnh toàn diện lĩnh vực công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam. Luật Công nghiệp công nghệ số đã thể chế hóa được nhiều nội dung quan trọng trong các Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong đó có thử nghiệm có kiểm soát có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

Để bảo đảm tổ chức triển khai thi hành Luật thống nhất, đồng bộ và khả thi, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thủ tục hành chính về đề nghị thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm, kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm, đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm thử nghiệm có kiểm soát có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số là hết sức cần thiết. Nghị định này khi được ban hành sẽ giúp doanh nghiệp có thể ngay lập tức thực hiện các thủ tục để triển khai thử nghiệm, tận dụng chính sách ưu đãi và môi trường hỗ trợ đổi mới sáng tạo; đồng thời giúp cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở pháp lý đầy đủ để tiếp nhận, xem xét, phê duyệt và giám sát quá trình thử nghiệm, bảo đảm an toàn, hiệu quả, tuân thủ pháp luật và quyền lợi của các bên liên quan.

*b) Tính hợp pháp*

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết về đề nghị thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm, kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm, đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm thử nghiệm có kiểm soát có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, hiện chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực.

Việc ban hành TTHC này đúng thẩm quyền quy định tại Luật số 64/2025/QH15 của Quốc hội: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không trái với quy định tại Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan khác hay các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

*c) Tính hợp lý*

Việc quy định chi tiết thủ tục hành chính đối với thử nghiệm có kiểm soát có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số giúp bảo đảm quản lý thống nhất, toàn diện quá trình thực hiện; đồng thời duy trì tính liên thông, loại bỏ trùng lặp về hồ sơ và quy trình. Các TTHC này tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động đăng ký triển khai sản phẩm, dịch vụ mới; rút ngắn thời gian đưa vào thử nghiệm; kịp thời tiếp cận và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước, các thủ tục hành chính này thiết lập khuôn khổ quản lý tập trung, xuyên suốt, cho phép theo dõi đầy đủ tiến trình thử nghiệm, kịp thời đánh giá hiệu quả, nhận diện và xử lý rủi ro phát sinh. Đồng thời, kết quả thử nghiệm là cơ sở thực tiễn quan trọng để hoàn thiện khung pháp luật, bảo đảm an toàn, bảo vệ lợi ích công cộng và thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số quốc gia.

*d) Chi phí tuân thủ TTHC*

Chi phí tuân thủ TTHC được quy định chi tiết tại Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM kèm theo.

**III. LẤY Ý KIẾN**

Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi văn bản lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ (trong đó có Văn phòng Chính phủ) theo quy định của Luật số 64/2025/QH15 của Quốc hội: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư số 03/2022/TT-BTP hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật./.

*Biểu mẫu số 02/ĐGTĐ-BHM. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính*

*dự kiến ban hành mới trong dự án, dự thảo văn bản*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | ***Biểu mẫu số 02/ĐGTĐ-BHM*** |

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số**

# THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 01: Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý: đề nghị thử nghiệm thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát là cơ sở để cơ quan có thẩm thực hiện quản lý rủi ro và giám sát đối với hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp triển khai thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong phạm vi thử nghiệm có kiểm soát. Việc cho phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số sẽ tăng vai trò kiến tạo của Nhà nước, tháo gỡ được khó khăn cho tổ chức, doanh nghiệp. Quy định này sẽ cho phép các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được sớm thử nghiệm, phục vụ người dân tốt hơn, khắc phục các bất cập đang đặt ra, mang lại lợi ích cho Nhà nước (tăng thu thuế từ các hoạt động công nghệ mới), người dân (được sử dụng dịch vụ mới) và tổ chức, doanh nghiệp (tạo niềm tin đầu tư triển khai công nghệ số mới). |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát:  \* Quyền và lợi ích hợp pháp: tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nộp hồ sơ theo quy định để cơ quan có thẩm quyền (phối hợp với các cơ quan liên quan) xem xét, thẩm định hồ sơ và ban hành văn bản cho phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được miễn trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, hình sự khi đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định và các yêu cầu theo văn bản cho phép thử nghiệm của cơ quan có thẩm quyền.  \* Nghĩa vụ: Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát. Trường hợp được chấp thuận tham gia thử nghiệm có kiểm soát, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm phải tiến hành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo văn bản cho phép thử nghiệm đã được phê duyệt. Đồng thời, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng trong quá trình tham gia thử nghiệm.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghệ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Cơ quan có thầm quyền đảm bảo quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát; tính hợp pháp, đảm bảo chỉ tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện mới được tham gia thử nghiệm có kiểm soát; thống nhất hồ sơ, trình tự, thủ tục cần thiết đảm bảo tính công khai, minh bạch. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp và các bên tham gia; phục vụ việc quản lý nhà nước đối với hoạt động thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số mới; tạo hành lang pháp lý để hỗ trợ cho hoạt động thử nghiệm.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điều 35, Điều 36 dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định triển khai thử nghiệm có kiểm soát, hồ sơ đề nghị thử nghiệm và quy trình xét duyệt tham gia thử nghiệm có kiểm soát. |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có  Không  Lý do: là thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số mới, có tính sáng tạo, đột phá và hiện đại; chưa được quy định trong khung khổ pháp lý, quy định quản lý chính thức. Vì vậy, cần có quy định về việc tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia thử nghiệm có kiểm soát đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của mình để trên cơ sở đó khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới trong công nghệ số. |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Luật do Quốc hội ban hành được quy định thủ tục hành chính. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có  Không  - Với văn bản của cơ quan khác: Có  Không  - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có  Không |
| **III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: tên TTHC là *“Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”* để chỉ sự việc mà cơ quan có thẩm quyền muốn quản lý; tổ chức, doanh nghiệp đăng ký mong muốn được tham gia thử nghiệm có kiểm soát. |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát hiểu một cách rõ ràng các thủ tục, thuận tiện trong việc thực thi; đồng thời kiểm tra được tính nghiêm túc của cơ quan nhà nước khi giải quyết thủ tục hành chính. Cụ thể: Quy định các bước từ nộp hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, sau đó là bước xử lý hoàn thiện hồ sơ đảm bảo hồ sơ đầy đủ, hợp lệ trước khi thẩm định, công tác tiến hành thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan đối với bộ hồ sơ và cuối cùng sau thời gian thẩm định, cơ quan có thầm quyền có văn bản gửi tổ chức, doanh nghiệp (cho phép hoặc từ chối). |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Theo nguyên tắc phù hợp với chức năng quản lý được giao và theo thẩm quyền quy định. Cụ thể: tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát nộp hồ sơ và bổ sung hoàn thiện thành phần hồ sơ (nếu không đầy đủ, hợp lệ) và giải trình, làm rõ (nếu cần thiết); Cơ quan có thẩm quyền là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp giải trình, hoàn thiện hồ sơ để đảm bảo hồ sơ đầy đủ, hợp lệ trước khi tiến hành thẩm định (bao gồm xin ý kiến các cơ quan liên quan) và có văn bản trả lời (cho phép hoặc từ chối) sau thời gian thẩm định kết thúc; trách nhiệm và nội dung công việc khi thực hiện đều yêu cầu có thời hạn xử lý. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Tối ưu hóa công tác quản lý và điều hành, trách nhiệm thực thi mang lại chất lượng và hiệu suất làm việc nhanh chóng, thuận tiện, hiệu quả, tinh gọn các thủ tục phức tạp, tốn kém; tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tham gia thử nghiệm có kiểm soát đến làm việc, không phải đi qua nhiều cửa. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có  Không  Lý do quy định: tổ chức, doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát. Có thể thực hiện thẩm định hồ sơ và kiểm tra tại chỗ nếu thấy cần thiết.  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Điều 36 dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, phê duyệt tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước,  cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Đa dạng các kênh nộp hồ sơ để tổ chức, doanh nghiệp đăng ký lựa chọn hình thức phù hợp nhất; trường hợp lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến còn giúp tiết kiệm chi phí xã hội, giảm thời gian đi lại (không phụ thuộc địa giới hành chính), thời gian chờ đợi nộp hồ sơ cho tổ chức, doanh nghiệp. Đối với cơ quan nhà nước, nhiều cách thức nộp hồ sơ/trả kết quả giúp đa dạng kênh giao tiếp với tổ chức, doanh nghiệp; đặc biệt ứng dụng CNTT trong giải quyết thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí do tái sử dụng lại giấy tờ, tài liệu, tiết kiệm chi phí do tăng tỷ lệ phần trăm thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức điện tử. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | - Nêu rõ lý do quy định: xác định yêu cầu, đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Yêu cầu về hình thức: không quy định.  Lý do quy định: đơn giản hóa, hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp đăng ký trong việc ghi đầy đủ các thông tin cần thiết phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm việc thống nhất theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong nội dung đăng ký. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập của tổ chức | - Nêu rõ lý do quy định: xác định tư cách pháp nhân, nội dung hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Yêu cầu về hình thức: Bản sao có chứng thực.  Lý do quy định: dễ thực hiện. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3: Kế hoạch thử nghiệm, bao gồm: thời gian thử nghiệm; không gian thử nghiệm; phạm vi thử nghiệm; đối tượng tham gia thử nghiệm | - Nêu rõ lý do quy định: xác định về công nghệ, kế hoạch, thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng tham gia thử nghiệm có kiểm soát nhằm xem xét, đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu đối với công nghệ và tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Yêu cầu về hình thức: không quy định.  Lý do quy định: dễ thực hiện, thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát trong việc xây dựng kế hoạch thử nghiệm. |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4: Báo cáo đánh giá tác động đến thị trường và lợi ích người sử dụng | - Nêu rõ lý do quy định: xác định về biện pháp quản lý rủi ro, bảo vệ người sử dụng công nghệ; đồng thời, đánh giá việc tác động đến thị trường của công nghệ tham gia thử nghiệm.  - Yêu cầu về hình thức: không quy định  Lý do quy định: dễ thực hiện, thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát trong việc xây dựng Báo cáo đánh giá tác động đến thị trường và lợi ích người sử dụng. |
| đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Phương án đảm bảo an toàn (bảo vệ tính mạng, bảo mật thông tin cá nhân của người sử dụng; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội); phương án bảo mật và an toàn thông tin mạng trong quá trình thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; các biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người sử dụng; phạm vi và các biện pháp bồi thường thiệt hại | - Nêu rõ lý do quy định: xác định biện pháp, giải pháp đảm bảo an toàn trong quá trình tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát; bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ của đối tượng tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Yêu cầu về hình thức: không yêu cầu.  Lý do quy định: đa dạng, dễ thực hiện, thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát trong việc xây dựng phương án đảm bảo an toàn về tham gia thử nghiệm có kiểm soát. |
| e) Tên thành phần hồ sơ 6:  Phương án kỹ thuật (gồm tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo hành, bảo trì sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; các nội dung liên quan khác) để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm | - Nêu rõ lý do quy định: xác định biện pháp, giải pháp kỹ thuật; đảm bảo phương án vận hành, triển khai của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong quá trình tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Yêu cầu về hình thức: không yêu cầu.  Lý do quy định: đa dạng, dễ thực hiện, thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát trong việc xây dựng phương án kỹ thuật về sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| g) Tên thành phần hồ sơ 7:  Phương án kinh doanh (gồm phạm vi; đối tượng khách hàng; quy mô sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; các nội dung liên quan khác) để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm | - Nêu rõ lý do quy định: xác định phương án kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát, yêu cầu về phạm vi, đối tượng khách hàng và quy mô của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Yêu cầu về hình thức: không yêu cầu.  Lý do quy định: đa dạng, dễ thực hiện, thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát trong việc xây dựng phương án kinh doanh của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| e) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có  Không  Nêu rõ: Điều 35 (Hồ sơ đề nghị thử nghiệm) tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định rõ tại các thành phần hồ sơ phải đảm bảo yêu cầu về hình thức (nếu cần thiết) và nội dung. |
| g) Số lượng bộ hồ sơ: 01 (gồm 01 bản gốc) | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có  Không  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Tùy thuộc vào hồ sơ có đảm bảo tính hợp lệ, có cần thiết phải giải trình làm rõ hay không và thời gian phản hồi của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát, thời gian giải quyết sẽ giao động từ 60-120 ngày làm việc.  Lý do: Nhằm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan có thẩm quyền giải quyết khi thực hiện thủ tục hành chính. Thời gian giữa các bước đã được tính toán phù hợp giữa các bước, đảm bảo chất lượng xử lý hồ sơ và tiết kiệm thời gian, chi phí cho cơ quan nhà nước và tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.  Điều 36 của dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định về quy trình xét duyệt tham gia thử nghiệm như sau:   1. Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thử nghiệm đến cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm để xem xét, giải quyết. Hồ sơ đề nghị thử nghiệm được gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tới bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. 2. Cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề nghị thử nghiệm không đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm có văn bản yêu cầu của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm bổ sung thành phần hồ sơ đề nghị thử nghiệm. 3. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm không gửi bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm có văn bản trả lại hồ sơ hồ sơ đề nghị thử nghiệm. 4. Trong vòng 90 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị thử nghiệm (bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ nếu cần thiết). 5. Trường hợp hồ sơ đề nghị thử nghiệm cần được giải trình, làm rõ, cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp giải trình, làm rõ hồ sơ đề nghị thử nghiệm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu. Sau thời hạn này, nếu tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm không có văn bản giải trình, làm rõ theo yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm trả lại hồ sơ hồ sơ đề nghị thử nghiệm. 6. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm ban hành Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo mẫu TNCNS02 tại Phụ lục. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 7. Chậm nhất 90 ngày, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm ban hành Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm phải tiến hành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo văn bản cấp phép thử nghiệm đã được phê duyệt. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không triển khai theo thời gian quy định, cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm ban hành văn bản thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  Lý do: Thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời gian chuyển giao hồ sơ đã được tính toán phù hợp giữa các bước đảm bảo chất lượng xử lý hồ sơ, tiết kiệm thời gian và chi phí.  Điều 36 dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định trong thời hạn tối đa 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ nếu cần thiết và có văn bản trả lời tổ chức, doanh nghiệp. |
| **6. Đối tượng thực hiện** |  |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  Lý do quy định: do việc triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực, nên cần quy định cụ thể đối tượng là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam là những đối tượng mà cơ quản có thẩm quyền có thể thẩm định được địa vị pháp lý; đồng thời đây là thử nghiệm có kiểm soát, nên cơ quan có thẩm quyền giới hạn đối tượng thực hiện đề phù hợp với khả năng thẩm định, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động này.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: Cá nhân không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  Lý do quy định: cá nhân không thể đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu xem xét của cơ quan có thẩm quyền để triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: định kỳ 06 tháng, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm phải nộp báo cáo kết quả thử nghiệm về cơ quan có thẩm quyền (có thể được gia hạn thời gian thử nghiệm). Sau khi kết thúc thời gian thử nghiệm, cơ quan có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, xây dựng và đề xuất phương án hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được cho phép thử nghiệm. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  - Biên giới, hải đảo  - Lý do quy định: Không có sự phân biệt vùng, miền; sự phát triển của CNTT.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: Sau khi kết thúc thời gian thử nghiệm, cơ quan có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, xây dựng và đề xuất phương án hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được cho phép thử nghiệm. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 10 đối tượng/năm | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  Lý do: Điều 28 của dự thảo Nghị định đã quy định cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: không có cơ sở để phân cấp hoặc ủy quyền. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không  Có  - Phí: Không  Có  - Chi phí khác: Không  Có  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: Cắt giảm tối đa chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp, có tính đến việc khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, có nhu cầu, nguyện vọng tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? |  |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  Lý do: đa dạng, dễ thực hiện, thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát trong việc gửi hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: ......................................................................... | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………….. |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: .......................................................................... | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………….. |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt  Song ngữ  Nêu rõ loại song ngữ:……………………………………… |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** |  |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có  Không  Lý do quy định: thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Việc xem xét, thẩm định hồ sơ căn cứ theo thực tế phát triển về ngành, lĩnh vực và do cơ quan có thẩm quyền phụ trách lĩnh vực đó, trên địa bàn đó đánh giá, quyết định. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: ……………..…………. | - Lý do quy định:……………………………………………………………….……………………….  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…………………………………………………………………………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):…………………………………………………………………… |
| a) Yêu cầu, điều kiện n: ……………..…………. | - Lý do quy định:……………………………………………………………….……………………….  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…………………………………………………………………………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):…………………………………………………………………… |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: ………………………………………………  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy  Bản điện tử |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có  Không  Lý do: Tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi, thống nhất trong tiếp cận với kết quả thủ tục hành chính. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có  Không  Thời hạn cụ thể: Tối đa 03 năm (tính từ thời điểm có văn bản cho phép thử nghiệm) |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc  Địa phương  Lý do: phù hợp với phạm vi của Nghị định. |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền:  Điện thoại: ; Di động: ; E-mail: | |

# THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 02: Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số quy định về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số để tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Một trong các phương án xử lý sau khi kết thúc thời gian thử nghiệm là đề nghị gia hạn thử nghiệm.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số đưa ra hướng dẫn đối với thủ tục gia hạn thử nghiệm để cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có cơ sở thực hiện. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: trong trường hợp khung pháp lý liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được cho phép thử nghiệm chưa được hoàn thiện trước thời điểm hết thời gian thử nghiệm 60 ngày tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được gia hạn thời gian thử nghiệm (không quá (01) lần). Trên cơ sở đó, cơ quan có thẩm quyền có văn bản phản hồi về đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm. Trong đó, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm kèm kết quả đánh giá sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đang thử nghiệm.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: xây dựng khuôn khổ pháp lý toàn diện cho việc tham gia, kết thúc quá thử nghiệm. Đảm bảo việc kết thúc thử nghiệm được xử lý rõ ràng, đảm bảo quyền lợi đến các bên liên quan, tránh ảnh hưởng đến các đối tượng liên quan đến quá trình thử nghiệm. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính: quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện đề nghị gia hạn thử nghiệm để doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát có cơ sở thực hiện.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điều 37, Điều 38 dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có  Không  Nếu Có, nêu rõ biện pháp:……………………………………………………………………………  Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do:…………….....................................................................................................................................  Nếu Không, nêu rõ lý do: việc đề nghị gia hạn thử nghiệm cần phải được quy định rõ về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ theo quy định về thủ tục hành chính để các tổ chức dễ dàng tuân thủ, thực hiện. |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Luật do Quốc hội ban hành được quy định thủ tục hành chính. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: ………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…………………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo …………………………………………………………………....  - Với văn bản của cơ quan khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: ………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: …………………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo ………………………………………………………………….....  - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: ………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: ……………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo …………………………………………………………………………… |
| **III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Tên thủ tục hành chính là *“Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”.* |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định về hồ sơ, trình tự, thời gian thực hiện và thời hạn của việc gia hạn thời gian thử nghiệm cho tổ chức, doanh nghiệp. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định về trách nhiệm của tổ chức, đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát bao gồm: gửi văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm đến cơ quan có thẩm quyền. Việc đánh giá kết quả thử nghiệm là cơ sở cho phép gia hạn thời gian thử nghiêm. Thời gian xử lý hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm không quá 60 ngày. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: tối ưu hóa công tác quản lý và điều hành, trách nhiệm thực thi mang lại chất lượng và hiệu suất làm việc nhanh chóng, thuận tiện, hiệu quả, tinh gọn các thủ tục phức tạp, tốn kém; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký tham gia thử nghiệm có kiểm soát đến làm việc, không phải đi qua nhiều cửa. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:……………………………………………………………………  Lý do quy định: tổ chức, doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát. Có thể thực hiện thẩm định hồ sơ và kiểm tra tại chỗ nếu thấy cần thiết.  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………………………………..…………… |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Căn cứ trên kết cấu sửa để bổ sung giải trình nội dung này  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: tổ chức, doanh nghiệp có thể lựa chọn phương thức nộp hồ sơ phù hợp với nguồn nhân sự, điều kiện của mình (Ví dụ: với các tổ chức, doanh nghiệp ở xa có thể lựa chọn phương thức nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công). |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn xin gia hạn thử nghiệm | - Nêu rõ lý do quy định: để xác định yêu cầu của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Yêu cầu về hình thức: không quy định  Lý do quy định: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo kết quả thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | - Nêu rõ lý do quy định: để cơ quan có thẩm quyền nắm bắt được thực trạng kết quả thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của tổ chức, doanh nghiệp, làm cơ sở để ra quyết định về đề nghị gia hạn thử nghiệm.  - Yêu cầu về hình thức: không quy định.  Lý do quy định: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có  Không  Nêu rõ: không quy định. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* …………………………………………………………… |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có  Không  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:  Tối thiểu 60 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số có nhu cầu gửi văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm đến cơ quan có thẩm quyền.  Lý do quy định: thúc đẩy đổi mới sáng tạo; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  Lý do quy định: Trong quá trình đánh giá quá trình thử nghiệm, nếu xét thấy cần thiết cơ quan có thẩm quyền có thể gửi văn bản lấy ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan. |
| **6. Đối tượng thực hiện** |  |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  Lý do quy định: Phù hợp với điều kiện vể đối tượng tham gia Thử nghiệm có kiểm soát.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ………………………………………………………………………………………………  Lý do quy định:…………………………………………………………………………………………  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng tham gia Thử nghiệm có kiểm soát |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  - Biên giới, hải đảo  - Lý do quy định: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới trên phạm vi toàn quốc  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới trên phạm vi toàn quốc  - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  Lý do quy định: do việc triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực, đồng thời áp dụng với đối tượng đã được cho phép thử nghiệm là tổ chức, doanh nghiệp nên cần quy định cụ thể đối tượng là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: cá nhân không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục gia hạn thử nghiệm có kiểm soát.  Lý do quy định: đối tượng tham gia thử nghiệm có kiểm soát là tổ chức, doanh nghiệp. Do đó, cá nhân không thuộc đối tượng được gia hạn thời gian thử nghiệm.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 10 | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  Lý do: Điều 28 của dự thảo Nghị định đã quy định cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: để TTHC được thực hiện thống nhất. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..…………………………………………………………  - Phí: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..………………………………………………………….  - Chi phí khác: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..………………………………………………………….  - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự án, dự thảo*):  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …………………………..………………………………………  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ………………………………………………………………  + Mức chi phí khác:……………………………………………………………………………………  + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ……………………………………………………..………………………………………………….  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có  Không  Nội dung quy định: ………………………..……………………………………………………………  Lý do quy định:………………………………………………………………………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  Lý do: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: ......................................................................... | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………….. |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: .......................................................................... | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………….. |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt  Song ngữ  Nêu rõ loại song ngữ:………………………………………  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): ………………………………………………… |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** |  |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có  Không  Lý do quy định: Việc xem xét, cho phép gia hạn thời gian thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số căn cứ vào Báo cáo kết quả thử nghiệm; thực tế phát triển về ngành, lĩnh vực và do cơ quan có thẩm quyền phụ trách lĩnh vực đó, trên địa bàn đó đánh giá, quyết định. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: ……………..…………. | - Lý do quy định:……………………………………………………………….……………………….  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…………………………………………………………………………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):…………………………………………………………………… |
| b) Yêu cầu, điều kiện n:  ……………..…………. | - Lý do quy định:……………………………………………………………….……………………….  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…………………………………………………………………………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):…………………………………………………………………… |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: ………………………………………………  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy  Bản điện tử |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có  Không  Lý do: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có  Không  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: văn bản cho phép gia hạn thời gian thử nghiệm được xem xét dựa trên báo cáo kết quả thử nghiệm và tình hình thực tế do cơ quan có thẩm quyền quyết định với thời gian gia hạn thử nghiệm không quá một (03) năm và chỉ có thể được gia hạn một (01) lần.  - Nếu Không, nêu rõ lý do:……………………………………………………….…………………… |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc  Địa phương  Lý do: phù hợp với phạm vi của Luật. |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền:  Điện thoại: ; Di động: ; E-mail: | |

# THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 03: Đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số hướng dẫn kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số đưa ra hướng dẫn đối với thủ tục kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số để cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có cơ sở thực hiện. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số gửi hồ sơ đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm cho cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm trước thời điểm đề xuất kết thúc thử nghiệm trước thời hạn tối thiểu 30 ngày). Trên cơ sở đó, sau 15 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm đúng thời hạn và yêu cầu theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm xem xét, quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn bằng Quyết định kết thúc trước thời hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Trong đó, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có văn bản đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số kèm kết quả đánh giá sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đang thử nghiệm và báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: xây dựng khuôn khổ pháp lý toàn diện cho việc tham gia, kết thúc quá thử nghiệm. Đảm bảo việc kết thúc thử nghiệm được xử lý rõ ràng, đảm bảo quyền lợi đến các bên liên quan, tránh ảnh hưởng đến các đối tượng liên quan đến quá trình thử nghiệm. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính: quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số để doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát có cơ sở thực hiện.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điều 40, Điều 41 dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số nghệ số. |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có  Không  Nếu Có, nêu rõ biện pháp:……………………………………………………………………………  Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do:…………….....................................................................................................................................  Nếu Không, nêu rõ lý do: việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số cần phải được quy định rõ về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ theo quy định về thủ tục hành chính để các tổ chức dễ dàng tuân thủ, thực hiện. |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Nghị định do Chính phủ ban hành được quy định thủ tục hành chính. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: ………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…………………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo …………………………………………………………………....  - Với văn bản của cơ quan khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: ………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: …………………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo ………………………………………………………………….....  - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: ………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: ……………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo …………………………………………………………………………… |
| **III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Tên thủ tục hành chính là *“Đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”.* |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định về hồ sơ, trình tự, thời gian thực hiện và thời hạn của việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số cho tổ chức, doanh nghiệp. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số bao gồm: gửi văn bản đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn cùng báo cáo kết quả thử nghiệm và báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm đến cơ quan có thẩm quyền. Việc đánh giá kết quả thử nghiệm và báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm là cơ sở cho phép kết thúc trước thời hạn thử nghiệm. Thời gian xử lý hồ sơ đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm không quá 15 ngày. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: tối ưu hóa công tác quản lý và điều hành, trách nhiệm thực thi mang lại chất lượng và hiệu suất làm việc nhanh chóng, thuận tiện, hiệu quả, tinh gọn các thủ tục phức tạp, tốn kém; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký tham gia thử nghiệm có kiểm soát đến làm việc, không phải đi qua nhiều cửa. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:……………………………………………………………………  Lý do quy định: tổ chức, doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm. Có thể thực hiện thẩm định hồ sơ và kiểm tra tại chỗ nếu thấy cần thiết.  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………………………………..…………… |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Căn cứ trên kết cấu sửa để bổ sung giải trình nội dung này  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: tổ chức, doanh nghiệp có thể lựa chọn phương thức nộp hồ sơ phù hợp với nguồn nhân sự, điều kiện của mình (Ví dụ: với các tổ chức, doanh nghiệp ở xa có thể lựa chọn phương thức nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công). |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn xin kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | - Nêu rõ lý do quy định: để xác định yêu cầu của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Yêu cầu về hình thức: không quy định  Lý do quy định: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo kết quả thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm. | - Nêu rõ lý do quy định: để cơ quan có thẩm quyền nắm bắt được thực trạng kết quả thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của tổ chức, doanh nghiệp, làm cơ sở để ra quyết định về đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm.  - Yêu cầu về hình thức: không quy định.  Lý do quy định: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có  Không  Nêu rõ: không quy định. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* …………………………………………………………… |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có  Không  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:  Tối thiểu 30 ngày làm việc trước thời điểm đề xuất kết thúc thử nghiệm trước thời hạn, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số có nhu cầu gửi văn bản đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm cùng báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm đến cơ quan có thẩm quyền.  Lý do quy định: thúc đẩy đổi mới sáng tạo; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  Lý do quy định: Trong quá trình đánh giá quá trình thử nghiệm, nếu xét thấy cần thiết cơ quan có thẩm quyền có thể gửi văn bản lấy ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan. |
| **6. Đối tượng thực hiện** |  |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  Lý do quy định: Phù hợp với điều kiện vể đối tượng tham gia Thử nghiệm có kiểm soát.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ………………………………………………………………………………………………  Lý do quy định:…………………………………………………………………………………………  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng tham gia Thử nghiệm có kiểm soát |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  - Biên giới, hải đảo  - Lý do quy định: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới trên phạm vi toàn quốc  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới trên phạm vi toàn quốc  - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  Lý do quy định: do việc triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực, đồng thời áp dụng với đối tượng đã được cho phép thử nghiệm là tổ chức, doanh nghiệp nên cần quy định cụ thể đối tượng là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: cá nhân không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục gia hạn thử nghiệm có kiểm soát.  Lý do quy định: đối tượng tham gia thử nghiệm có kiểm soát là tổ chức, doanh nghiệp. Do đó, cá nhân không thuộc đối tượng được kết thúc trước thời hạn thử nghiệm.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 10 | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  Lý do: Điều 28 của dự thảo Nghị định đã quy định cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: để TTHC được thực hiện thống nhất. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..…………………………………………………………  - Phí: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..………………………………………………………….  - Chi phí khác: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..………………………………………………………….  - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự án, dự thảo*):  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …………………………..………………………………………  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ………………………………………………………………  + Mức chi phí khác:……………………………………………………………………………………  + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ……………………………………………………..………………………………………………….  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có  Không  Nội dung quy định: ………………………..……………………………………………………………  Lý do quy định:………………………………………………………………………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  Lý do: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: ......................................................................... | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………….. |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: .......................................................................... | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………….. |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt  Song ngữ  Nêu rõ loại song ngữ:………………………………………  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): ………………………………………………… |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** |  |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có  Không  Lý do quy định: Việc xem xét, cho phép kết thúc trước thời hạn thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số căn cứ vào Báo cáo kết quả thử nghiệm, Báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm; thực tế phát triển về ngành, lĩnh vực và do cơ quan có thẩm quyền phụ trách lĩnh vực đó, trên địa bàn đó đánh giá, quyết định. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: ……………..…………. | - Lý do quy định:……………………………………………………………….……………………….  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…………………………………………………………………………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):…………………………………………………………………… |
| b) Yêu cầu, điều kiện n:  ……………..…………. | - Lý do quy định:……………………………………………………………….……………………….  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…………………………………………………………………………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):…………………………………………………………………… |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: ………………………………………………  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy  Bản điện tử |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có  Không  Lý do: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có  Không  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: văn bản cho phép kết thúc thử nghiệm trước thời hạn được xem xét dựa trên báo cáo kết quả thử nghiệm; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm và tình hình thực tế do cơ quan có thẩm quyền quyết định.  - Nếu Không, nêu rõ lý do:……………………………………………………….…………………… |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc  Địa phương  Lý do: phù hợp với phạm vi của Luật. |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền:  Điện thoại: ; Di động: ; E-mail: | |

# THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 04: Đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số hướng dẫn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số đưa ra hướng dẫn đối với thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số để cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có cơ sở thực hiện. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm cho cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm trước thời điểm đề xuất kết thúc thử nghiệm trước thời hạn tối thiểu 30 ngày). Trên cơ sở đó, sau 30 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản và yêu cầu theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Trong đó, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số kèm kết quả đánh giá sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đang thử nghiệm.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: xây dựng khuôn khổ pháp lý toàn diện cho việc tham gia, kết thúc và đánh giá quá trình thử nghiệm. Đảm bảo việc hoàn thành thử nghiệm được xử lý rõ ràng, đảm bảo quyền lợi đến các bên liên quan, tránh ảnh hưởng đến các đối tượng liên quan đến quá trình thử nghiệm. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính: quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số để doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát có cơ sở thực hiện.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điều 42, Điều 43 dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số nghệ số. |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có  Không  Nếu Có, nêu rõ biện pháp:……………………………………………………………………………  Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do:…………….....................................................................................................................................  Nếu Không, nêu rõ lý do: việc cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số cần phải được quy định rõ về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ theo quy định về thủ tục hành chính để các tổ chức dễ dàng tuân thủ, thực hiện. |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Nghị định do Chính phủ ban hành được quy định thủ tục hành chính. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: ………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…………………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo …………………………………………………………………....  - Với văn bản của cơ quan khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: ………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: …………………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo ………………………………………………………………….....  - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: ………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: ……………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo …………………………………………………………………………… |
| **III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Tên thủ tục hành chính là *“Đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”.* |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định về hồ sơ, trình tự, thời gian thực hiện và thời hạn của việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp Công nghệ số quy định về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số bao gồm: gửi văn bản đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn cùng báo cáo kết quả thử nghiệm đến cơ quan có thẩm quyền. Việc đánh giá kết quả thử nghiệm và báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm là cơ sở cho phép kết thúc trước thời hạn thử nghiệm. Thời gian xử lý hồ sơ đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm không quá 30 ngày. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: tối ưu hóa công tác quản lý và điều hành, trách nhiệm thực thi mang lại chất lượng và hiệu suất làm việc nhanh chóng, thuận tiện, hiệu quả, tinh gọn các thủ tục phức tạp, tốn kém; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký tham gia thử nghiệm có kiểm soát đến làm việc, không phải đi qua nhiều cửa. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:……………………………………………………………………  Lý do quy định: tổ chức, doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Có thể thực hiện thẩm định hồ sơ và kiểm tra tại chỗ nếu thấy cần thiết.  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………………………………..…………… |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Căn cứ trên kết cấu sửa để bổ sung giải trình nội dung này  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: tổ chức, doanh nghiệp có thể lựa chọn phương thức nộp hồ sơ phù hợp với nguồn nhân sự, điều kiện của mình (Ví dụ: với các tổ chức, doanh nghiệp ở xa có thể lựa chọn phương thức nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công). |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | - Nêu rõ lý do quy định: để xác định yêu cầu của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát.  - Yêu cầu về hình thức: không quy định  Lý do quy định: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo kết quả thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | - Nêu rõ lý do quy định: để cơ quan có thẩm quyền nắm bắt được thực trạng kết quả thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của tổ chức, doanh nghiệp, làm cơ sở để ra quyết định về đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.  - Yêu cầu về hình thức: không quy định.  Lý do quy định: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có  Không  Nêu rõ: không quy định. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* …………………………………………………………… |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có  Không  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:  Tối thiểu 30 ngày làm việc trước thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số có nhu cầu gửi văn bản đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm cùng báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm đến cơ quan có thẩm quyền.  Lý do quy định: thúc đẩy đổi mới sáng tạo; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  Lý do quy định: Trong quá trình đánh giá quá trình thử nghiệm, nếu xét thấy cần thiết cơ quan có thẩm quyền có thể gửi văn bản lấy ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan. |
| **6. Đối tượng thực hiện** |  |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  Lý do quy định: Phù hợp với điều kiện vể đối tượng tham gia Thử nghiệm có kiểm soát.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ………………………………………………………………………………………………  Lý do quy định:…………………………………………………………………………………………  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: Phù hợp với đối tượng tham gia Thử nghiệm có kiểm soát |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  - Biên giới, hải đảo  - Lý do quy định: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới trên phạm vi toàn quốc  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới trên phạm vi toàn quốc  - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  Lý do quy định: do việc triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực, đồng thời áp dụng với đối tượng đã được cho phép thử nghiệm là tổ chức, doanh nghiệp nên cần quy định cụ thể đối tượng là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: cá nhân không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.  Lý do quy định: đối tượng tham gia thử nghiệm có kiểm soát là tổ chức, doanh nghiệp. Do đó, cá nhân không thuộc đối tượng được kết thúc trước thời hạn thử nghiệm.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 10 | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  Lý do: Điều 28 của dự thảo Nghị định đã quy định cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: để TTHC được thực hiện thống nhất. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..…………………………………………………………  - Phí: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..………………………………………………………….  - Chi phí khác: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..………………………………………………………….  - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự án, dự thảo*):  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …………………………..………………………………………  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ………………………………………………………………  + Mức chi phí khác:……………………………………………………………………………………  + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ……………………………………………………..………………………………………………….  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có  Không  Nội dung quy định: ………………………..……………………………………………………………  Lý do quy định:………………………………………………………………………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  Lý do: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: ......................................................................... | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………….. |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: .......................................................................... | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  + Nội dung thông tin 1: ………………………..………………………………………………………  ………………………..……………………………………………………………...............................  Lý do quy định: ………………………..…………………………………………………………….....  ………………………..……………………………………………………………...............................  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: …………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………….. |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt  Song ngữ  Nêu rõ loại song ngữ:………………………………………  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): ………………………………………………… |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** |  |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có  Không  Lý do quy định: Việc xem xét, cho phép đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số căn cứ vào Báo cáo kết quả thử nghiệm; thực tế phát triển về ngành, lĩnh vực và do cơ quan có thẩm quyền phụ trách lĩnh vực đó, trên địa bàn đó đánh giá, quyết định. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: ……………..…………. | - Lý do quy định:……………………………………………………………….……………………….  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…………………………………………………………………………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):…………………………………………………………………… |
| b) Yêu cầu, điều kiện n:  ……………..…………. | - Lý do quy định:……………………………………………………………….……………………….  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:…………………………………………………………………………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):…………………………………………………………………… |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: ………………………………………………  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy  Bản điện tử |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có  Không  Lý do: linh hoạt, dễ thực hiện. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có  Không  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: văn bản cho phép cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được xem xét dựa trên báo cáo kết quả thử nghiệm và tình hình thực tế do cơ quan có thẩm quyền quyết định.  - Nếu Không, nêu rõ lý do:……………………………………………………….…………………… |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc  Địa phương  Lý do: phù hợp với phạm vi của Luật. |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền:  Điện thoại: ; Di động: ; E-mail: | |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM** |

**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 01: Đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) | **Ghi chú** |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | Tìm hiểu thủ tục | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
| Chuẩn bị văn bản | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
| In văn bản |  |  |  | 1.000 | 1 | 10 | 1.000 | 10.000 |  |
| 1.2 | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập của tổ chức theo quy định của pháp luật | Chứng thực văn bản | 1 | 30.535 |  | 2.000 | 1 | 10 | 32.535 | 325.350 |  |
| 1.3 | Kế hoạch thử nghiệm | Chuẩn bị văn bản | 40 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 1.221.400 | 12.214.000 |  |
| 1.4 | Báo cáo đánh giá tác động đến thị trường và lợi ích người sử dụng | Chuẩn bị văn bản | 5 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 152.675 | 1.526.750 |  |
| 1.5 | Phương án đảm bảo an toàn (bảo vệ tính mạng, bảo mật thông tin cá nhân của người sử dụng; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội); phương án bảo mật và an toàn thông tin mạng trong quá trình thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; các biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người sử dụng; phạm vi và các biện pháp bồi thường thiệt hại | Chuẩn bị văn bản | 20 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 610.700 | 6.107.000 |  |
| 1.6 | Phương án kỹ thuật (gồm tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo hành, bảo trì sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; các nội dung liên quan khác) để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm | Chuẩn bị văn bản | 20 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 610.700 | 6.107.000 |  |
| 1.7 | Phương án kinh doanh (gồm phạm vi; đối tượng khách hàng; quy mô sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số; các nội dung liên quan khác) để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm | Chuẩn bị văn bản | 16 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 488.560 | 4.885.600 |  |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
|  |  | Bưu chính |  |  |  | 8.000 | 1 | 10 | 8.000 | 80.000 |  |
|  |  | Điện tử | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Phí |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Lệ phí |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát | 5 | 30.535 | 0 | 0 | 1 | 10 | 152.675 | 1.526.750 |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
|  |  | Bưu chính |  |  |  | 8.000 | 1 | 10 | 8.000 | 80.000 |  |
|  |  | Điện tử |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG** | |  |  |  |  |  |  | **3.408.385** | **34.083.850** |  |

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 02: Gia hạn thời gian thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) | **Ghi chú** |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | Tìm hiểu thủ tục | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
| Chuẩn bị văn bản | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
| In văn bản |  |  |  | 1.000 | 1 | 10 | 1.000 | 10.000 |  |
| 1.2 | Báo cáo kết quả đánh giá thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | Chuẩn bị văn bản | 80 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 2.442.800 | 24.428.000 |  |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
|  |  | Bưu chính |  |  |  | 8.000 | 1 | 10 | 8.000 | 80.000 |  |
|  |  | Điện tử | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Phí |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Lệ phí |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát | 5 | 30.535 | 0 | 0 | 1 | 10 | 152.675 | 1.526.750 |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
|  |  | Bưu chính |  |  |  | 8.000 | 1 | 10 | 8.000 | 80.000 |  |
|  |  | Điện tử |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG** | |  |  |  |  |  |  | **2.734.615** | **27.346.150** |  |

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 03: Đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) | **Ghi chú** |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đơn đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | Tìm hiểu thủ tục | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
| Chuẩn bị văn bản | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
| In văn bản |  |  |  | 1.000 | 1 | 10 | 1.000 | 10.000 |  |
| 1.2 | Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất kết thúc trước thời hạn thử nghiệm; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc trước thời hạn thử nghiệm. | Chuẩn bị văn bản | 80 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 2.442.800 | 24.428.000 |  |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
|  |  | Bưu chính |  |  |  | 8.000 | 1 | 10 | 8.000 | 80.000 |  |
|  |  | Điện tử | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Phí |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Lệ phí |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát | 5 | 30.535 | 0 | 0 | 1 | 10 | 152.675 | 1.526.750 |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
|  |  | Bưu chính |  |  |  | 8.000 | 1 | 10 | 8.000 | 80.000 |  |
|  |  | Điện tử |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG** | |  |  |  |  |  |  | **2.734.615** | **27.346.150** |  |

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 04: Đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) | **Ghi chú** |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | Tìm hiểu thủ tục | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
| Chuẩn bị văn bản | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
| In văn bản |  |  |  | 1.000 | 1 | 10 | 1.000 | 10.000 |  |
| 1.2 | Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | Chuẩn bị văn bản | 80 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 2.442.800 | 24.428.000 |  |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
|  |  | Bưu chính |  |  |  | 8.000 | 1 | 10 | 8.000 | 80.000 |  |
|  |  | Điện tử | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Phí |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Lệ phí |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát | 5 | 30.535 | 0 | 0 | 1 | 10 | 152.675 | 1.526.750 |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 30.535 | 305.350 |  |
|  |  | Bưu chính |  |  |  | 8.000 | 1 | 10 | 8.000 | 80.000 |  |
|  |  | Điện tử |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG** | |  |  |  |  |  |  | **2.734.615** | **27.346.150** |  |